

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 4 năm 2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Thái
Bà Lều Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 16-12-2021 về việc “Yêu cầu ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-4-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu phố L, thị trấn L, huyện , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Hữu B, sinh năm 1973. Địa chỉ: RD, Macomb MI, USA (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người đại diện ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của ông Lê Hữu B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa, nguyên đơn bà Hoàng Nguyễn Tuyết T trình bày:

Khoảng tháng 8/2018, bà T quen biết ông Lê Hữu B qua người quen giới thiệu trong dịp ông B về Việt Nam; hai bên tìm hiểu, nảy sinh tình cảm yêu thương, đến tháng 02/2019 thì quyết định tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 05-3-2019. Sau khi kết hôn, bà T và ông B sống chung vợ chồng được khoảng hơn 1 tháng ở Việt Nam tại nhà riêng của bà T, sau đó ông B về Hoa Kỳ làm việc, bà T vẫn tiếp tục sinh sống ở Việt Nam. Thời gian đầu, ông B có về Việt Nam thăm bà T, hai bên vẫn giữ liên lạc. Tuy nhiên, từ tháng 10/2019, bà T chủ động cắt liên lạc với ông B, do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trao đổi, nói chuyện vì bất đồng quan điểm. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có nên làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Lê Hữu B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hữu B trình bày:

Theo “Đơn trình bày về việc thuận tình ly hôn” của ông Lê Hữu B được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 28-01-2022, ông Lê Hữu B thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà T trình bày. Do quá trình vợ chồng tìm hiểu, chung sống không dài, khoảng cách địa lý quá xa, nên hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể giải quyết được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B đồng ý ly hôn với bà Hoàng Nguyễn Tuyết T. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu B thuận tình ly hôn với bà Hoàng Nguyễn Tuyết T; về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ở xa và điều kiện công việc nên ông Lê Hữu B không thể tham gia quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Ông Lê Hữu B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1972; địa chỉ: phường P, TP. B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) nhận các văn bản tố tụng, quyết định của Tòa án liên quan đến việc giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hoàng Nguyễn Tuyết T đối với ông Lê Hữu B.

Bà Hoàng Nguyễn Tuyết T, ông Lê Hữu B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Bà Hoàng Nguyễn Tuyết T, ông Lê Hữu B đã có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông B là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Hữu B vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Lê Hữu B cũng đồng ý với việc yêu cầu ly hôn của bà T. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà T và ông B không có con chung; tài sản chung và nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Nguyễn Tuyết T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hữu B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày về việc thuận tình ly hôn và xin xét xử, giải quyết vắng mặt (được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 28-01-2022). Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B, sự vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án.

2. Về nội dung: bà Hoàng Nguyễn Tuyết T và ông Lê Hữu B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 05-3-2019. Quan hệ hôn nhân của bà Hoàng Nguyễn Tuyết T và ông Lê Hữu B là hợp pháp. Chung sống được hơn 01 tháng, ông B về lại Hoa Mỹ. Do thiếu sự hiểu biết lẫn nhau, cách trở về địa lý, không có thời gian gần gũi nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm ngày càng trầm trọng. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông B.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà T thì ông Lê Hữu B đã có văn bản đồng ý ly hôn và xin xét xử, giải quyết vắng mặt (được hợp pháp hóa lãnh sự tại Tổng Lãnh Sự Quán nước CHXHCN Việt Nam tại San Francisco ngày 28-01-2022). Theo đơn, ông B thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà T trình bày; đồng thời đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Lê Hữu B và bà Hoàng Nguyễn Tuyết T được ly hôn vì cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật, mâu thuẫn trong thời gian dài, cuộc sống mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà T yêu cầu ly hôn, ông B cũng đồng ý; như vậy bà Hoàng Nguyễn Tuyết T yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu B là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Nguyễn Tuyết T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Nguyễn Tuyết T đối với ông Lê Hữu B.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Nguyễn Tuyết T được ly hôn với ông Lê Hữu B.

[1.2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Nguyễn Tuyết T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0000079 ngày 06-12-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bà T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Nguyễn Tuyết T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê Hữu B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT;
- Cục THA tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa HNGĐ.

Nguyễn Thành Hiếu

